TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-01-2022.
V/v: "Ly hôn giữa anh T và chị H".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thể.

2. Bà Phạm Thị Kim Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Vũ Đình T, sinh năm 1990.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

2- Bị đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 1990.

Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định;

Nơi ở hiện nay: Đ, thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

3- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trương Đình L, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Đ, thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

Bà Trần Thị H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Đ, thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa: Anh Vũ Đình T vắng mặt, nhưng anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Trương Thị H; ông Trương Đình L và bà Trần Thị H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn anh Vũ Đình T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trương Thị H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Y cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24-11-2011. Vợ chồng tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và cùng chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ anh tại Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau đến khoảng năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: Vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống; chị H thường xuyên vay nợ nhiều nơi mà không biết lý do tại sao lại vay nợ như vậy, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 3-2019 đến nay. Khi đó, vì chị H vay nợ nhiều người, anh không nói được nên đã đưa chị H về nhà bố mẹ đẻ của chị H ở thôn B, xã K để nhờ bố mẹ chị H dạy bảo, nhưng kể từ đó chị H không quay về nhà anh nữa. Trong thời gian sống ly thân anh đã nhiều lần trao đổi với bố mẹ đẻ chị H để vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng đều không được.

Nay anh xác định không còn tình cảm tình nghĩa vợ chồng gì với chị H. Mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng và đã kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là cháu Vũ Thị Kim N, sinh ngày 19-3-2013, cháu Vũ Xuân L, sinh ngày 24-10-2015 và cháu Vũ Hải Y, sinh ngày 24-8-2018.

Kể từ khi sống ly thân đến nay chị H và con gái út là cháu Vũ Hải Y đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị H là nhà ông Trương Đình L và bà Trần Thị H ở Đ, thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định sinh sống. Còn anh và 2 con là cháu Vũ Thị Kim N và cháu Vũ Xuân L ở Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu L; giao cháu Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; trường hợp, chị H không trực tiếp nuôi dưỡng được cháu Y thì anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng không có và anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Đối với bị đơn là chị Trương Thị H: Khi tòa án thụ lý vụ án xin ly hôn giữa anh T và chị; Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và tống đạt các thủ tục tố tụng cho chị H theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chị H đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Đình L và bà Trần Thị H trình bày: Chị Trương Thị H là con đẻ của chúng tôi; anh T chị H tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chị

H có 03 con chung là cháu Vũ Thị Kim N, sinh ngày 19-3-2013, cháu Vũ Xuân L, sinh ngày 24-10-2015 và cháu Vũ Hải Y, sinh ngày 24-8-2018. Khi vợ chồng chị H có mâu thuẫn, anh T đuổi chị H; chị H bế cháu Y về nhà tôi ở từ đầu năm 2019, đến khoảng tháng 9-2019 chị H đi làm ăn ở đâu gia đình không biết địa chỉ, nhưng chị H vẫn gọi điện gửi tiền về cho chúng tôi để nuôi dưỡng cháu Y; còn cháu N và cháu L đang sinh sống cùng với anh T tại thôn A, xã Y, huyện Y.

Khi Tòa án giải quyết vụ án xin ly hôn của anh T với chị H, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho chị H theo địa chỉ: Đ, thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định, chúng tôi đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết thông báo nội dung các văn bản tố tụng đó cho chị H biết.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Đình T, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Vũ Đình T và chị Trương Thị H.

+ Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Kim N, sinh ngày 19-3-2013, cháu Vũ Xuân L, sinh ngày 24-10-2015 và cháu Vũ Hải Y, sinh ngày 24-8-2018 cho anh Vũ Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu N thành niên, có khả năng lao động, tự lập được.

+ Về tài sản, công nợ và các nội dung khác: Đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị H mặc dù hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; nhưng đến khoảng đầu năm 2019 chị H đã chuyển về sinh sống tại thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định và không quay trở về thôn A, xã Y, huyện Y lần nào nữa. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa anh Vũ Đình T và chị Trương Thị H là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho chị H, ông Trương Đình L và bà Trần Thị H là bố mẹ đẻ của chị H đã nhận thay và cam đoan giao hoặc thông báo nội dung của những văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện V cho chị H được biết; nhưng chị H cố tình vắng mặt, từ chối khai báo. Tại phiên tòa bị đơn chị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Đình L và bà Trần Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; nguyên đơn anh T vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh T chị H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân nhiều năm. Xét điều kiện, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người mỗi nơi, thực sự không còn quan tâm đến nhau. Từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình. Anh T xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Như vậy quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ chồng của anh T và chị H đã không đảm bảo với quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T; xử ly hôn giữa anh T và chị H.

[3] Về con chung: Anh T và chị H có 03 con chung là cháu Vũ Thị Kim N, sinh ngày 19-3-2013, cháu Vũ Xuân L, sinh ngày 24-10-2015 và cháu Vũ Hải Y, sinh ngày 24-8-2018. Hiện nay cháu N và cháu L đang sống cùng với anh T; còn cháu Y đang sống cùng ông L và bà H là ông bà ngoại của cháu. Ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu L; giao cháu Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; trường hợp, chị H không trực tiếp nuôi dưỡng được cháu Y thì anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Qua xác minh: Hiện nay chị H vẫn có hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định, nhưng vì làm tự do, nên địa chỉ cụ thể của chị H không biết, nhưng chị H vẫn điện thoại liên lạc với ông L và bà H.

Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; việc trôm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là quyền, nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét thấy anh T có sức khỏe, có nơi cư trú, có công việc, thu nhập ổn định. Đối với chị H hiện nay không xác định được chị H cư trú hoặc làm việc ở đâu. Như vậy anh T có đầy đủ các điều kiện cần thiết để thực hiện quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; giao cháu N, cháu L và cháu Y cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là

phù hợp để đảm bảo đầy đủ các điều kiện tốt nhất để các cháu học tập, sinh hoạt và phát triển.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu nên không buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không đề nghị nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Xử ly hôn giữa anh Vũ Đình T và chị Trương Thị H.

2. Con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Vũ Thị Kim N, sinh ngày 19-3-2013; cháu Vũ Xuân L, sinh ngày 24-10-2015 và cháu Vũ Hải Y, sinh ngày 24-8-2018 cho anh Vũ Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. (Hiện nay cháu N và cháu L đang ở với anh T; còn cháu Y đang ở với ông Trương Đình L và bà Trần Thị H là ông bà ngoại của các cháu tại: Đ, thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định). Chị Trương Thị H, ông Trương Đình L và bà Trần Thị H có trách nhiệm giao cháu Vũ Hải Y cho anh Vũ Đình T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trương Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trương Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Đình T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001364 ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định được đối trừ. (Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo phần có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Y, huyện Y;
- Lưu Vp, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trường Nam